

FOODS

Rau củ chiên kiểu Nhật 일본식 야채튀김	60,000
Xúc xích Đức nướng 독일 소시지 구이	90,000
Gỏi đu đủ bò khô 파파야와 말린 쇠고기 샐러드	110,000
Chả giò Kubera 쿠베라 스프링롤	125,000
Khoai tây kiểu Champa 참파스타일 감자	70,000
Khoai tây chiên truyền thống 전통 감자튀김	65,000
Salad tôm dressing mù tạc 머스타드 소스 새우 샐러드	120,000
Salad cá hồi sốt mè rang 구운 참깨 소스 연어 샐러드	160,000
Mì Ý sốt bò băm 다진 쇠고기 소스 스파게티	145,000
Mì Ý sốt kem 크림소스 스파게티	145,000
Mì Ý sốt cà chua 토마토 소스 스파게티	85,000
Mì Ý hải sản 해산물 스파게티	175,000
Sandwich gà, thịt xông khói và phô mai trứng 클럽 샌드위치	140,000
House burger bò, thịt xông khói, trứng và phô mai 리버 하우스 버거	155,000
Bánh mì kẹp bò 빵과 함께 튀긴 쇠고기	130,000
Gà chiên giòn 바삭한 후라이드 치킨	100,000
Mực tẩm giòn 12 vị 12가지 맛을 담은 오징어	170,000
Tôm nón chiên giòn 바삭바삭 새우튀김	150,000
Tôm chiên kiểu Nhật 일본식 새우튀김	150,000
Cá tẩm chiên kiểu Nhật 일본식 생선튀김	110,000



Pizza hải sản size 24 해산물 피자 사이즈 24	260,000
Pizza hải sản size 30 해산물 피자 사이즈 30	350,000
Pizza hải sản cay size 24 매운 해산물 피자 사이즈 24	260,000
Pizza hải sản cay size 30 매운 해산물 피자 사이즈 30	350,000
Pizza cá hồi size 24 연어 피자 사이즈 24	250,000
Pizza cá hồi size 30 연어 피자 사이즈 30	320,000
Pizza xúc xích Ý size 24 이탈리안 소시지 피자 사이즈 24	220,000
Pizza xúc xích Ý size 30 이탈리안 소시지 피자 사이즈 30	270,000
Pizza Funghi size 24 평기 피자 사이즈 24	150,000
Pizza Funghi size 30 평기 피자 사이즈 30	220,000
Pizza Carne size 24 카르네 피자 사이즈 24	180,000
Pizza Carne size 30 카르네 피자 사이즈 30	230,000
Pizza Hawaii size 24 하와이안 피자 사이즈 24	160,000
Pizza Hawaii size 30 하와이안 피자 사이즈 30	210,000
Pizza Margherita size 24 마르게리타 피자 사이즈 24	120,000
Pizza Margherita size 30 마르게리타 피자 사이즈 30	150,000
Pizza bò size 24 비프 피자 사이즈 24	200,000
Pizza bò size 30 비프 피자 사이즈 30	250,000
Pizza gà sốt cay size 24 스파이시 치킨 피자 사이즈 24	150,000
Pizza gà sốt cay size 30 스파이시 치킨 피자 사이즈 30	190,000
Pizza thập cẩm size 24 혼합 피자 사이즈 24	260,000
Pizza thập cẩm size 30 혼합 피자 사이즈 30	350,000

COFFEE

Cà Phê Đen 블랙 커피	35,000
Cà Phê Sữa 밀크 커피	40,000
Cà Phê Capuchino 카푸치노 커피	60,000
Cà Phê Americano 아메리카노 커피	60,000
Cà Phê Espresso 에스프레소 커피	50,000
Cà Phê Double Espresso 더블 에스프레소 커피	60,000
Bạc Xiu Nóng/ Đá 뜨거운/얼음 화이트 커피	60,000
Cacao Nóng/ Đá 뜨거운/얼음 코코아	60,000

SMOOTHIES
MILKSHAKES

Sinh Tố Xoài 망고 스무디	100,000
Sinh Tố Dâu 딸기 스무디	100,000
Sinh Tố Dâu Tằm 멀베리 스무디	100,000
Sinh Tố Cam 오렌지 스무디	100,000
Sinh Tố Dừa 코코넛 스무디	100,000
Sinh Tố Tắc Lá Mint 금귤 민트 잎 스무디	100,000

JUICE

Nước Cam 오렌지 주스	80,000
Nước Dừa Hấu 수박 주스	80,000
Nước Chanh 레모네이드	80,000
Nước Thơm 파인애플 주스	80,000
Chanh Dây 패션프루트 주스	80,000
Dừa Trái 코코넛워터	80,000

BEER

Heineken Lon 하이네켄 캔	50,000
Heineken Bạc Lon 하이네켄 실버 캔	50,000
Tiger Lon 타이거 맥주 캔	35,000
Tiger Draugh 타이거 생맥주	40,000
Saigon Lager Lon 사이공 라거 캔	25,000
Bivina Lon 비비나 캔	20,000



COCKTAIL

Oasis 오아시스	120,000
Long Island Iced Tea 롱아일랜드 아이스티	120,000
Daiquiri 다이키리	120,000
Gin Tonic 진토닉	120,000
Mojito 모히토	120,000
Kumquat Mojito 금귤 모히토	120,000
Whisky Sour 위스키 사워	120,000
Pinacolada 피나콜라다	120,000
Tequila Sunrise 테킬라 선라이즈	120,000
Margarita 마가리타	120,000
Scew River 스크루드라이버 (칵테일)	120,000
Strawberry Daiquiry 딸기 다이키리	120,000

SOFT DRINK

Coca Cola 코카콜라	40,000
Sprite 스프라이트	40,000
Bò Húc 레드불 음료	40,000
Soda 소다	40,000
Fanta Cam 환타 오렌지	40,000
Yến Sanest 사네스트 새의 둥지 음료	40,000
Suối Cham Water (500ml) 생수병	25,000